

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 37

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh canh mực, nấm rom, bắp mỹ, bí ngòi, rau răm, tiêu xay
- Uống sữa Netsure
Trưa: Com trắng
- Cá basa kho thơm, hành baro
- Canh su hào nấu thịt băm, hành ngò
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Bún gạo nấu cua biển, bông cải xanh, đu đủ hường, cải thảo, hành ngò

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	500	3,140	15,700
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	100	740	740
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,250	2,625
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,720	4,360
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	50	6,300	3,150
9	0185	Tỏi ta	50	7,460	3,730
10	0007	Ngò bắp tươi	200	3,680	7,360
11	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bán)	200	6,090	12,180
12	0211	Nấm rom	100	14,180	14,180
13	0170	Rau răm	20	4,940	988
14	0632	Mực ống	500	34,020	170,100
15	N0753	Bánh canh	500	2,860	14,300
16	0186	Tỏi tây (cà lá)	100	8,610	8,610
17	0226	Khóm (Dứa ta)	500	2,940	14,700
18	0436	Cá basa (phi lê)	2,200	13,760	302,720
19	0178	Su hào	1,000	4,830	48,300
20	N0770	Thịt nạc dăm	500	18,800	94,000
21	N0887	Bún gạo Nàng Hương	500	5,720	28,600
22	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	100	7,350	7,350
23	0191	Cải thảo	100	3,990	3,990
24	0115	Đu đủ xanh	200	3,680	7,360
25	N0810	Thịt cua tươi	250	92,400	231,000
26	0455	Sữa chua	1,850	9,440	174,640

27	0457	Sữa bột toàn phần	636.86	20,500	130,556
Tổng cộng					1,368,999

Tổng tiền thực phẩm	1,368,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,369,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	24,642,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	24,641,998

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Trần Thị Khánh Ly

Ngô Thị Ngọc Lan